CÔNG TY TNHH VIỆT THANH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 4 năm 2026

BẢN CÔNG BỐ
NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
Số: 01/2026

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ: Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/1/2026 của chính phủ sửa đổi, bổ xung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ vào năng lực thiết bị và nhân lực của Công ty TNHH Việt Thanh Tuyên Quang;

Công ty TNHH Việt Thanh Tuyên Quang công bố công khai thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

1. Thông tin tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

Tên tổ chức: Công ty TNHH Việt Thanh Tuyên Quang.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5000232803, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 5 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 14, ngày 14 tháng 4 năm 2023. Cơ quan cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: tổ dân phố Trung Môn 11, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam.

Điện thoại: 0978958999 Email: vietthanh_tq@yahoo.com

Mã số thuế: 5000232803 Website: vietthanhtuyenquang.com

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và cơ lý đất.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: tổ 2, phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang.

2. Thông tin năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

2.1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng:

TT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	Xi măng	
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 13605:2023
2	Xác định cường độ uốn, nén	TCVN 6016:2011
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
	Cốt liệu	
4	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
5	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
6	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
7	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:2006
8	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
9	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét và hàm lượng sét cục	TCVN 7572-8:2006
10	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
11	Xác định cường độ, độ bền nén, chịu kéo khi bửa, độ bền cắt, mô đun đàn hồi, hệ số hoá mềm	TCVN 7572-10:2006
12	Xác định độ nén dập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
13	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
	Kim loại và liên kết mối hàn	
14	Thử kéo	TCVN 197-1:2014
15	Thử uốn	TCVN 198:2008

TT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
16	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 5401:2010
17	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 197-1:2014
	Gạch đất sét nung	
18	Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
19	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009
20	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009
21	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
22	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
23	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
	Gạch bê tông	
24	Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016
25	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6477:2016
26	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
27	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016
28	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016
	Gạch bê tông tự chèn	
29	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999
30	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999
31	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
	Gạch Terazo	
32	Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan	TCVN 7744:2013
33	Xác định độ hút nước	TCVN 7744:2013
34	Xác định độ chịu mài mòn	TCVN 7744:2013
35	Xác định độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
	Đất, vật liệu đắp	
36	Xác định khối lượng riêng của đất	TCVN 4195:2012

TT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
37	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm của đất	TCVN 4196:2012
38	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy của đất	TCVN 4197:2012
39	Xác định thành phần hạt của đất	TCVN 4198:2014
40	Xác định sức chống cắt của đất	TCVN 4199:1995
41	Xác định tính nén lún của đất	TCVN 4200:2012
42	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012
43	Xác định khối lượng thể tích của đất	TCVN 4202:2012
44	Đất, đá dăm dùng trong công trình giao thông - Đầm nén Proctor	TCVN 12790:2020
	Bê tông và hỗn hợp bê tông	
45	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
46	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
47	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022
48	Phương pháp phân tích thành phần	TCVN 3110:1993
49	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước, độ mài mòn	TCVN 3112:2022
50	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
51	Xác định khối lượng thể tích của bê tông nặng	TCVN 3115:2022
52	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022
53	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
	Vữa xây dựng	
54	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
55	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
56	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
57	Xác định thời gian đông kết vữa tươi	TCVN 3121-9:2022
58	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022
59	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã	TCVN 3121-11:2022

TT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	đóng rắn	
60	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022
	Thử nghiệm tại hiện trường	
61	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020
62	Xác định độ ẩm của đất tại hiện trường	TCVN 8728:2012
63	Xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường	TCVN 8729:2012
64	Độ ẩm; Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8730:2012 AASHTO T191
65	Xác định độ bằng phẳng bề mặt các lớp kết cấu đường bằng thước dài 3m	TCVN 8864:2011
66	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
67	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011

2.2. Máy móc, thiết bị để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm

TT	Tên máy móc, thiết bị	Thông số kỹ thuật
I	**Các thiết bị sử dụng chung**	
1	Cân điện tử	Khả năng cân max: 600 g Độ phân giải: 0,01g
2	Cân điện tử	Khả năng cân max: 5000 g Độ phân giải: 0,1g
3	Cân điện tử	Khả năng cân max: 30000 g Độ phân giải: 1g
4	Bình hút ẩm (thủy tinh)	
5	Tủ sấy đến 300 độ	Model: 101-1 - TQ Dung tích: 70 lít Nguồn 220v/1pH
6	Đồng hồ bấm giây	
7	Bơm chân không (gồm đồng hồ,ống cao su và bình chân không)	
II	**Thiết bị dùng cho thí nghiệm cát, đá dăm, sỏi**	

TT	Tên máy móc, thiết bị	Thông số kỹ thuật
8	Bộ xi lanh thử nén dập đá, đường kính 75 mm và 150 mm	
9	Bộ thùng thử độ bụi bùn sét của cát	
10	Bộ thùng thử độ bụi bùn sét của đá	
11	Côn thử độ xốp cát	
12	Côn thử độ xốp đá	
13	Bảng so mầu	
14	Côn chày thử hấp phụ nước của cát (độ lưu động vữa)	
15	Thước đo hạt thoi dẹt 200mm, tỷ lệ 1:3	
III	**Thiết bị dùng cho thí nghiệm bê tông và vật liệu xây dựng**	
16	Khuôn đúc mẫu bê tông	(150x150x150) mm
17	Khuôn đúc mẫu bê tông	(100x100x100) mm
18	Bộ côn thử độ sụt bê tông D101,6xD203,2xH303, bao gồm côn, phễu, khay hứng, que chọc D16, muôi xúc mẫu, thước	
19	Thùng định lượng tiêu chuẩn: 1, 2, 5, 10, 20 l;	
VI	**Thiết bị thử xi măng**	
20	Máy trộn mẫu vữa, xi măng Model JJ-5	- Hai tốc độ trộn - Có chế độ quay hành tinh - Điện áp 220V, 50 Hz - Có hệ thống cung cấp cát - Bao gồm hai chế độ chạy tự động và bằng tay. Cung cấp bao gồm máy chính, cối trộn 5 lít, cánh trộn, cốc rót cát, dụng cụ kiểm tra khe hở
21	Máy dằn tạo mẫu chuẩn, hiển thị số	Tạo mẫu xi măng trong khuôn 40x40x160mm
22	Bộ kim Vika xi măng	
23	Bộ gá nén mẫu vữa xi măng	Dùng cho mẫu 40x40x160mm
24	Bộ gá uốn mẫu vữa xi măng	Dùng cho mẫu 40x40x160mm

TT	Tên máy móc, thiết bị	Thông số kỹ thuật
25	Khuôn 40x40x160 mm, vật liệu thép	
26	Khuôn Le Chatelie	
27	Bàn dằn vữa quay tay	
28	Thùng chưng hấp mẫu xi măng	
29	Bay chảo trộn	
30	Bình tỷ trọng	
31	Sàng 0,09 mm + đáy, nắp	
32	Máy nén thủy lực kích tay	Phạm vi đo: (0-10) kN và (0-100) kN
V	**Thí nghiệm kim loại và mối hàn**	
33	Máy thử độ bền kéo, nén, uốn Model WE-1000B	- Khả năng tải lớn nhất: 1000kN - Ba thang đo 0-200; 0-500; 0-1000kN - Chỉ thị đồng hồ kim - Đóng mở má kẹp bằng thuỷ lực - Cấp chính xác: cấp 1 - Mẫu thí nghiệm: mẫu dẹt 0-40mm - Mẫu thí nghiệm mẫu tròn: đến D45mm Cung cấp bao gồm: - Máy chính - Bộ điều khiển - Thùng dụng cụ bao gồm: ống dầu thuỷ lực, quả đối trọng, gối uốn dưới, 02 thanh giữ gối uốn, chày uốn trên D50mm, bộ thớt nén, má kẹp mẫu dẹt (bộ 4 cái), má kẹp thép tròn 13-32 (bộ 4 cái), má kẹp thép tròn 32-45 (bộ 4 cái)
34	Thước lá	L = 500 mm
35	Thước cặp	L = 300 mm
VI	**Thí nghiệm đất trong phòng**	

TT	Tên máy móc, thiết bị	Thông số kỹ thuật
36	Máy nén đất tam liên, Model WG	Kèm theo: Bộ quả cân, đá thấm, dao cắt
37	Máy cắt đất 2 tốc độ Model: ZJ	Kèm: Bộ quả cân, hộp cắt, cung lực 1,2 kN, đồng hồ so 10x0,01mm.
38	Hộp nhôm lấy mẫu đất	D55mm
39	Dao vòng	D61,8 mm
40	Dao cắt, gọt và lấy mẫu đất	
41	Cối đầm Proctor tiêu chuẩn	Đường kính D101.6mm. Chiều cao 116,4mm. Chiều dài hành trình của chày 300mm. Đường kính chày D50mm. Trọng lượng chày 2,5kg
42	Cối đầm Proctor cải tiến	
43	Bộ sàng đất tiêu chuẩn D200mm	(bao gồm các cỡ 10; 5; 2; 1; 0,5; 0,25;0,1; khay hứng nắp)
44	Tỷ trọng kế	
45	Thiết bị Vaxiliep	
46	Dụng cụ Casagrande	
47	Bình tam giác	500 ml
48	Bình tam giác	1000 ml
49	Bình định mức	500 ml
50	Bình định mức	1000 ml
51	Pipet	10 ml
52	Phễu thủy tinh	D100
53	Bình tỷ trọng	100 ml
54	Dụng cụ đo góc nghỉ cát	
55	Bếp cách cát	
56	Nhiệt kế thủy tinh	(0-100)°C
57	Tấm kính nhám	

TT	Tên máy móc, thiết bị	Thông số kỹ thuật
58	Tấm kính kỹ thuật	
59	Cối chày sứ	
60	Cối chày đồng	
61	Khay phơi mẫu inox	(30x40) cm
VII	Thí nghiệm hiện trường	
62	Bộ đo K rót cát	
63	Bộ đo K dao vòng	
64	Thí nghiệm đo E tấm ép cứng:	Kích đo E, bộ gá đồng hồ, tấm ép cứng (D33; D46; D61; D76)
65	Thước 3 m	
66	Bộ đo nhám bằng rắc cát	

2.3. Cán bộ quản lý và thí nghiệm viên

TT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ đào tạo
1	Trần Xuân Hùng	Trưởng phòng	Kỹ sư xây dựng (xây dựng dân dụng và công nghiệp)	Chứng nhận quản lý phòng thí nghiệm số 0123-2012 ngày 30/12/2012 của Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị cấp Chứng nhận thí nghiệm Phương pháp thử các tính chất cơ lý vật liệu kim loại và liên kết hàn số 481.2/2004/VKH-TNXD ngày 03/10/2004 của Viện KHCN Xây dựng cấp
2	Triệu Thị Hương	Thí nghiệm viên	Cao đẳng	Bằng nghề thí nghiệm vật liệu xây dựng đường bộ số 000949094 ngày 05/4/2008 do Trường Cao đẳng nghề Giao thông Vận tải Trung

TT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ đào tạo
				ương I cấp
3	Bùi Thị Vinh	Thí nghiệm viên	Trung cấp	Chứng nhận thí nghiệm Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý của đất trong phòng và hiện trường số 523.3/2004/VKH-TNXD ngày 02/12/2004 của Viện KHCN Xây dựng cấp
				Chứng nhận thí nghiệm Xác định các tính chất cơ - lý Bê tông và vật liệu xây dựng số 419.1/2004/VKH-TNXD ngày 28/9/2004 của Viện KHCN Xây dựng cấp
4	Nguyễn Minh Tuấn	Thí nghiệm viên	Kỹ sư	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ thí nghiệm viên Thí nghiệm phương pháp xác định tính chất cơ - lý của Bê tông và vật liệu bê tông trong phòng và hiện trường số 03/03/2015/TNVVLBT-RDC ngày 24/3/2015 của Trung tâm đào tạo RDC cấp
				Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ thí nghiệm viên Thí nghiệm phương pháp xác định tính chất cơ - lý của Đất trong phòng và hiện trường số 04/05/2015/TNVCĐ-RDC ngày 18/5/2015 của Trung tâm đào tạo RDC cấp

Công ty TNHH Việt Thanh Tuyên Quang xin thông báo đến các Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, các tổ chức,

cá nhân tham gia hoạt động xây dựng về thông tin năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng./.

CÔNG TY TNHH VIỆT THANH TUYÊN QUANG

M.S.D.N: 5000232803 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VIỆT THANH TUYÊN QUANG
H. YÊN SƠN - T. TUYÊN QUANG

GIÁM ĐỐC
Đỗ Mạnh Cường